

TẠI HIỆU THUỐC

Kịch bản: [Hải Hồ](#)

Người Đọc: Nguyễn Thương

Cuộc hội thoại trong bài học này diễn ra tại một hiệu thuốc với nội dung xoay quanh vấn đề mua thuốc chữa đau đầu.

Hai nhân vật chính hôm nay là anh Peter và cô dược sĩ. Trước khi bắt đầu, chúng ta sẽ học một số từ vựng mới mà bạn sẽ cần khi đi mua thuốc.

Dược sĩ nam là:

- Apotheker

Còn dược sĩ nữ là:

- Apothekerin

Và, hiệu thuốc là

- Die Apotheke:

Hãy bắt đầu lắng nghe đoạn hội thoại nhé.

- Guten Morgen, kann ich Ihnen helfen?
- Ich habe Kopfschmerzen. Haben Sie etwas gegen Kopfschmerzen?
- Aber natürlich. Hier, Das sind Aspirin – Tabletten
- Hmm, und die helfen gegen meine Kopfschmerzen.
- Ja, Aber Sie dürfen nicht Aspirin auf nüchternen Magen nehmen.
- Wie bitte?
- Sie müssen zuerst etwas essen. Und dann eine Aspirin Tablette nehmen.
- Ajaa. ich verstehe. Sagen Sie: Haben Sie etwas Stärkeres?
- Aber sicher. Das hier ist Paracetamol. oder warten Sie, ich kann Ihnen Apomorphine geben. Das ist stärker.
- Danke. Das nehme ich. Und was kostet das?
- Das macht 3,60eu.
- Hier bitte
- 5eu und hier ist Ihr Wechselgeld 1,40 eu.
- Auf Wiedersehen
- Auf Wiedersehen und Gute Besserung.

Cùng nghe lại đoạn hội thoại một lần nữa.

.....

Khi anh Peter đi vào hiệu thuốc, anh ấy đã được chào đón bằng một câu hỏi thân thiện.

- Kann ich Ihnen helfen?

Nghĩa là “tôi có thể giúp gì được anh không?”

Anh Peter đã miêu tả cho cô dược sĩ về tình trạng sức khỏe của anh ấy, anh ấy nói.

- Ich habe Kopfschmerzen

Ich habe quá quen thuộc rồi nhỉ, còn “cái đầu” là

- Der Kopf

Còn “đau” là

- Schmerzen

Nói hai từ này lại với nhau, chúng ta có

- Kopfschmerzen

Có nghĩa là đau đầu.

Anh Peter bị đau đầu, chúng ta hãy học thêm một số từ vựng có từ *schmerzen*, chúng ta nói.

- *Ich habe Zahnschmerzen*

Der Zahn, nghĩa là răng.

Có một căn bệnh nữa phổ biến trong xã hội phương tây, đó là bệnh đau lưng, căn bệnh đó là

- *Rückenschmerzen*

Để nói, anh ta bị đau lưng, thì nói

- *Er hat Rückenschmerzen*

Để nói “tôi bị đau dạ dày” thì sẽ nói

- *Ich habe Magenschmerzen*

Der Magen, nghĩa là dạ dày

Liên quan đến vấn đề của anh Peter, sau khi miêu tả về tình trạng sức khỏe của mình cho cô dược sĩ, anh ấy sẽ cần một câu hỏi đại loại như “chị có thuốc chữakhông?”. Trong đó, ở vị trí dấu 3 chấm là tên bộ phận cơ thể bị đau như đầu, bụng, lưng..

Gegen ở đây được hiểu là “chữa”, gegen cũng có thể hiểu là “chống lại điều gì đó”

Câu hỏi mà chúng ta định nhắc tới là:

- *Haben Sie etwas gegen....*

Và nhớ là sau gegen, chúng ta thêm tên bệnh hoặc bộ phận cơ thể mà chúng ta bị đau vào. Lấy một vài ví dụ nhé, Nói “chị có thuốc chữa phát ban không” thì nói là

- *Haben Sie etwas gegen einen Ausschlag?*

Einen Ausschlag, là bệnh phát ban.

Còn hỏi về thuốc chữa côn trùng cắn thì sao nhỉ.

- *Haben Sie etwas gegen Mückenstiche*

Cuối cùng là câu hỏi “chị có thuốc chữa da cháy nắng không” thì nói là

- *Habe Sie etwas gegen Sonnenbrand?*

Die Sonne, nghĩa là mặt trời, còn “cháy” là brand

Cô dược sĩ nói là cô ấy có bán thứ anh Peter cần, cô ấy nói

- *Aber natürlich. Hier, Das sind Aspirin - Tabletten*

Anh Peter muốn chắc chắn rằng loại thuốc đó thực sự có hiệu quả, anh ấy hỏi

- *Hmmm, und die helfen gegen meine Kopfschmerzen.*

Cô dược sĩ trả lời “vâng, với điều kiện là không được uống nó khi bụng đói”. Cụm từ “bạn không được phép” là một cụm từ quan trọng cần phải học, nó là

- *Sie dürfen nicht*

Theo sau cụm từ này là một động từ nguyên thể - nehmen. Trong trường hợp này từ nehmen có nghĩa là “uống”, “dùng”, sử dụng”.

Trước khi nghe toàn bộ câu hội thoại này, chúng ta cần lưu ý thêm rằng từ “trống rỗng” hoặc cụ thể hơn là đói, trong từ đói bụng, là

- *Nüchternen*

Hãy lắng nghe lại lời khuyên của cô dược sĩ

- *Sie dürfen nicht Aspirin auf nüchternen Magen nehmen*

Để ôn luyện thêm về cách dùng cụm từ “Sie dürfen nicht”, chúng ta hãy học thêm một số mẫu câu. Để nói “bạn không được phép hút thuốc” thì nói là

- *Sie dürfen nicht rauchen*

Anh Peter không hiểu rõ lắm về lời khuyên vừa rồi của cô dược sĩ, anh ấy thể hiện điều đó bằng câu nói.

- *Wie bitte*

Có nghĩa là “tôi xin lỗi, có thể nhắc lại được không ạ”, hoặc ngắn gọn là “thứ lỗi cho tôi”. Và cô dược sĩ nhắc lại là “trước khi uống thuốc, anh ấy cần phải ăn cái gì đó”. Cô ấy nói.

- *Sie müssen zuerst etwas essen*

Sie müssen - bạn cần phải, lấy thêm một vài ví dụ cho cụm từ này nhé. Nói “tôi cần phải đi” thì nói thế nào

- *Ich muss gehen*

Tiếp sau Ich muss, thì bạn cần có một động từ nguyên thể, trong câu vừa rồi, đó là gehen. Thế còn nói “tôi cần phải đổ xăng” thì nói thế nào

- *Ich muss tanken*

Tanken, nghĩa là đổ xăng vào xe

Thêm một ví dụ nữa nhé, nói “tôi cần phải thực hiện một cuộc gọi” thì sẽ nói là.

- *Ich muss telefonieren*

Trong câu có sử dụng động từ tình thái: müssen, dürfen thì động từ thường của câu phải để ở vị trí cuối câu.

Nếu muốn diễn đạt ý phủ định ta thêm nicht vào sau động từ tình thái müssen, dürfen và động từ thường của câu vẫn đặt ở vị trí cuối câu.

Müssen nicht: nghĩa là cấm

Dürfen nicht: là không được phép

Quay lại đoạn hội thoại, anh Peter hỏi cô dược sĩ là liệu có loại thuốc nào mạnh hơn không, câu hỏi của anh ấy là.

- *Haben Sie etwas Stärkeres?*

Etwas Stärkeres - có nghĩa là loại mạnh hơn, hãy phân tích sâu câu hỏi này để nhớ kĩ hơn nhé.

Tính từ “mạnh” hoặc “mạnh mẽ” là

- *Stark*

Vậy để nói “anh ấy mạnh mẽ” sẽ nói là.

- *Er ist stark*

Tuy nhiên, anh Carl còn mạnh mẽ hơn anh ta, từ tình huống này sẽ tạo ra một cách nói so sánh về sức mạnh, và cách nói so sánh anh Carl “mạnh hơn” trong tiếng Đức là

- *Carl ist stärker*

Nghĩa là “Carl mạnh mẽ hơn”.

Một ví dụ nữa nhé, nói “câu hỏi này khó hơn” thì nói thế nào?, trước khi học về câu hỏi đó, thì chúng ta cần biết tính từ “khó” là.

- *Schwierig*

Và “khó hơn” thì là

- *Schwieriger*

Vậy, “câu hỏi này khó hơn” sẽ là

- *Diese Frage ist schwieriger*

Về câu hỏi có loại thuốc nào mạnh hơn không của anh Peter, cô dược sĩ đã nói là “chờ một chút, tôi sẽ cho anh thuốc Apomorphine”. Đầu tiên cô ấy nói.

- *Oder warten Sie*

Và

- *Ich kann Ihnen Apomorphine geben*

Anh Peter phản hồi lại câu trả lời của cô dược sĩ, anh ấy nói.

- *Danke, Das nehme ich*

Cảm ơn, tôi sẽ lấy nó.

Lưu ý rằng với câu nói này của anh Peter, chúng ta cần dịch là “tôi sẽ lấy nó” chứ không phải “tôi lấy nó”. Vì trong tiếng Đức không có sự phân biệt thì hiện tại và thì tương lai như giải thích ở bài trước, nên các bạn cần phải dựa vào bối cảnh mà dịch cho đúng.

Khi đi mua gì đó, chúng ta cũng cần phải biết làm thế nào để hỏi về giá, câu hỏi về giá là

- *Und was kostet das*

Xét về ngữ pháp thì cách hỏi này dùng cho việc hỏi giá các mặt hàng ở dạng số ít, nhưng thực tế chúng cũng được sử dụng để hỏi giá cho các mặt hàng ở dạng số nhiều như hoa, đôi giày...

Và số tiền mà anh Peter cần thanh toán là

- *3,60eu*

Tuy nhiên, anh Peter lại đưa cho cô dược sĩ

- *5eu*

Cô dược sĩ nói, đây, tiền thối lại của anh đây. Tiền thối lại, hay tiền thừa trả lại, là

- *Wechselgeld*

Cụ thể, cô ấy nói

- *Hier ist Ihr Wechselgeld*

Và tổng số Wechselgeld là

- *1,40 eu*

Cuối cùng, cô dược sĩ chúc anh Peter mau khỏi bệnh, cô ấy nói

- *Gute Besserung*

Bài học hôm nay của chúng ta đã kết thúc rồi, các bạn hãy cố gắng học tập để giao tiếp tốt hơn nhé.

Cách tốt nhất để học, chính là nghe đi nghe lại thật nhiều, để thuộc hết toàn bộ hội thoại, và từ đó các bạn sẽ tự nhiên nói trôi chảy khi gặp tình huống tương tự trong bối cảnh giao tiếp bằng tiếng Đức.

Để ôn lại kiến thức đã học, chúng ta sẽ nghe lại đoạn hội thoại thêm một lần nữa nhé.

Cảm ơn các bạn đã học chương trình audio tiếng Đức giao tiếp của Vogel.

.....